

Bản án số: 20/2022/HS-ST

Ngày: 23/12/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Liêm.

2. Ông Trần Công Luân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/HSST ngày 01/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Ngô Thị Ngọc T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15 tháng 11 năm 2002; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tô 19, phường S, thành phố B, tỉnh B1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Mạnh T (đã chết) và bà Vy Thị Đ; có chồng là: Nguyễn Văn H và có 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh tháng 7 năm 2021); tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

* **Bị hại:** Ông **Điều Nh**, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn 10, xã Th, huyện B2, tỉnh B3. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên:** Bà **Vy Thị Đ**, sinh năm 1978. Trú tại: Tô 19, phường S, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3 năm 2021, Ngô Thị Ngọc T làm nhân viên bán hàng đồ phong thủy cho anh Hoàng Văn Th trên Facebook. Quá trình bán hàng có ông Điều Nh liên lạc qua số điện thoại 0974.190.0xx mua 01 (Một) đồng hoa mai kim loại với giá

450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Khoảng 01(một) tuần sau khi bán hàng cho ông ông Nh thì T lập tài khoản Zalo bằng số điện thoại 0762.001.1xx có tên “cdch” tức (Cô đồng Cẩm H) rồi kết bạn với tài khoản Zalo của ông Nh có tên “Davixx” đăng ký bằng số điện thoại 0974.190.0xx và nói chuyện hỏi thăm công việc, gia đình. Qua nói chuyện, T biết ông Nh có hoàn cảnh khó khăn, bị lừa mất hết tiền và muốn làm lễ cầu may, giải hạn để cuộc sống được thuận lợi hơn. Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản tiền của ông Nh. Để tạo niềm tin cho ông Nh, T đã nói dối ông Nh mình là “Cô đồng” có thể làm lễ để xin tiền lộc ở chùa cho ông Nh với điều kiện ông Nh phải đóng tiền phí để T làm lễ thì được ông Nh nhất trí đóng tiền phí. Ban đầu, T chỉ yêu cầu ông Nh chuyển tiền phí với số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Sau đó, T yêu cầu ông Nh chuyển số tiền lớn hơn để đóng phí xin lộc ở chùa cho ông Nh số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, để ông Nh tin tưởng, T còn sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân do T tự tìm ở trên mạng Internet có thông tin là “Lê Thị Ph, sinh ngày 15/9/1956, trú tại 18 B4, A, thành phố Th, tỉnh Th1, số CMND 1745177xx” thông báo cho ông Nh đây là thông tin, địa chỉ của “Cô đồng Cẩm H”, ngoài ra T còn tìm kiếm và sử dụng nhiều hình ảnh trên mạng Internet có liên quan đến tài sản, tiền mặt, giao dịch tại các Ngân hàng để ông Nh tin tưởng là T đang làm các thủ tục để xin tiền lộc cho mình và chuyển tiền phí đến 02 (Hai) số tài khoản 1078751203xx và 1098731498xx – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Viettinbank) mang tên NGO THI NGOC T mà Tú nói dối ông Nh đây là số tài khoản của cháu gái “Cô đồng Cẩm H”. Do tin tưởng việc T có thể xin được số tiền lộc cho mình, nên trong thời gian từ ngày 03/5/2021 đến ngày 10/6/2022 ông Nh đã nhiều lần chuyển tiền, tổng số 68 (Sáu mươi tám) lần thông qua số tài khoản ngân hàng của ông Nhôn số 10410000441xx – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank); Tài khoản ViettelPay – số điện thoại 0974.190.0xx và nhờ người khác chuyển khoản cho T đến 02 (Hai) số tài khoản 1078751203xx và 1098731498xx mang tên Ngô Thị Ngọc T tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh tỉnh B1, cụ thể:

Ông Nh đã tự mình chuyển và nhờ người khác chuyển tiền 45 (Bốn mươi năm) lần đến số tài khoản 1098731498xx của Ngô Thị Ngọc T với tổng số tiền là: 129.785.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng). Cụ thể:

1. Ngày 03/5/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 104100004412x (Vietcombank) với số tiền là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).
2. Ngày 11/5/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 104100004412x (Vietcombank) với số tiền là: 1.000.000đ (Một triệu đồng).
3. Ngày 17/5/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 104100004412x(Vietcombank) với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
4. Ngày 23/5/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 104100004412x (Vietcombank) với số tiền: 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng).
5. Ngày 27/5/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 104100004412x (Vietcombank) với số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

6. Ngày 04/6/2021, ông Nh nhờ người khác chuyển tiền hộ qua thẻ Napas (Nội dung: Điều Nh chuyển tiền) với số tiền: 9.000.000đ (Chín triệu đồng).
7. Ngày 10/6/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng).
8. Ngày 25/6/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).
9. Ngày 28/6/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 8.000.000đ (Tám triệu đồng).
10. Ngày 08/7/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).
11. Ngày 09/7/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).
12. Ngày 20/7/2021, ông Nh nhờ người khác chuyển tiền hộ qua thẻ Napas (Nội dung: Điều Nh chuyển khoản) với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
13. Ngày 16/8/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng).
14. Ngày 30/8/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).
15. Ngày 26/9/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).
16. Ngày 01/10/2021, ông Nhôn chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.076 với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
17. Ngày 02/10/2021, ông Nh nhờ người khác chuyển tiền hộ qua thẻ Napas mang tên (MBBANK IBFT) với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
18. Ngày 06/10/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).
19. Ngày 08/10/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).
20. Ngày 22/10/2021, ông Nh nhờ người khác chuyển tiền hộ qua thẻ Napas mang tên (MBBANK IBFT) với số tiền: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).
21. Ngày 25/10/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
22. Ngày 30/10/2021, ông Nh chuyển tiền qua ứng dụng Viettel Pay số điện thoại 0974.190.0xx với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).
23. Ngày 06/11/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).
24. Ngày 06/11/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

25. Ngày 14/11/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

26. Ngày 15/11/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

27. Ngày 26/11/2021, ông Nh nhờ người khác chuyển tiền hộ qua thẻ Napas (Nội dung: Nhân chuyển khoản) với số tiền: 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

28. Ngày 30/11/2021, ông Nh nhờ người khác chuyển tiền hộ qua thẻ Napas (Nội dung: Điều Nh chuyển tiền) với số tiền: 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

29. Ngày 07/12/2021, ông Nh nhờ người khác chuyển tiền hộ qua thẻ Napas (Nội dung: Điều Nh chuyển khoản) với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

30. Ngày 10/12/2021, ông Nh nhờ người khác chuyển tiền hộ qua thẻ Napas (Nội dung: ĐIỀU NH chuyển khoản) với số tiền: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

31. Ngày 17/12/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

32. Ngày 19/12/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

33. Ngày 23/12/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

34. Ngày 29/12/2021, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

35. Ngày 11/01/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

36. Ngày 11/01/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

37. Ngày 15/01/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

38. Ngày 18/01/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

39. Ngày 18/01/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 5000đ (Năm nghìn đồng).

40. Ngày 25/01/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

41. Ngày 26/01/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

42. Ngày 12/02/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

43. Ngày 13/02/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

44. Ngày 14/02/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

45. Ngày 15/02/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Ông Nh đã tự mình chuyển và nhờ người khác chuyển tiền 23 (Hai mươi ba) lần đến số tài khoản 1078751203xx của Ngô Thị Ngọc T với tổng số tiền là: 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu đồng). Cụ thể:

1. Ngày 25/02/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

2. Ngày 05/3/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

3. Ngày 12/3/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

4. Ngày 17/3/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

5. Ngày 21/3/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

6. Ngày 25/3/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

7. Ngày 28/3/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

8. Ngày 30/3/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

9. Ngày 03/4/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

10. Ngày 07/4/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

11. Ngày 08/4/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

12. Ngày 14/4/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng)

13. Ngày 16/4/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

14. Ngày 20/4/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

15. Ngày 05/5/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

16. Ngày 05/5/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

17. Ngày 09/5/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

18. Ngày 13/5/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

19. Ngày 24/5/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

20. Ngày 28/5/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

21. Ngày 31/5/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

22. Ngày 06/6/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

23. Ngày 10/6/2022, ông Nh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 10410000441xx (Vietcombank) với số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Toàn bộ số tiền 223.785.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng) ông Điều Nh đã chuyển qua tài khoản cho Ngô Thị Ngọc T thì T đã rút và tiêu xài cá nhân hết.

Cuối tháng 5 năm 2022, T bảo ông Nh chuẩn bị số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) để T làm thủ tục rút số tiền lộc 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) rồi chuyển cho ông Nh. Ngày 28/6/2022, ông Nh từ tỉnh B3 đi máy bay ra sân bay Nội Bài – Hà Nội để trực tiếp gặp T đưa tiền nhưng không gặp được. Ngày 29/6/2022, T nhắn tin qua Zalo cho ông Nh bảo ông Nh bắt xe đi đến xóm 7, xã S, huyện Ph, tỉnh Th đợi T đi lễ về sẽ qua đón, tuy nhiên sau đó T không đến gặp ông Nh. Ngày 30/6/2022, ông Nh tiếp tục gọi điện cho T và hỏi T đang ở đâu để gặp trực tiếp đưa tiền, thì T nói dối là T đang đi lễ ở Đền M thuộc tổ 1A, phường Ph, thành phố B, tỉnh B1 và hẹn gặp ông Nh tại Đền M. Sau đó, ông Nh bắt xe taxi đến thành phố B, tỉnh B1 đến Đền M thì biết không có ai làm lễ tại đền rồi đi thuê nhà nghỉ. Đến 17 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho ông Nh hẹn tối sẽ đến gặp ông Nh tại nhà nghỉ để lấy tiền. Nghi ngờ mình bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông Nh đã đến Công an phường Ph, thành phố B, tỉnh B1 trình báo sự việc. Khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 655.xx một mình đến nhà nghỉ gặp và nhận của ông Nh số tiền 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Ngay sau khi nhận tiền của ông Nh, T bị cơ quan Công an phát hiện, lập biên bản.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 03/5/2021 đến ngày 30/6/2022, Ngô Thị Ngọc T đã đưa ra thông tin gian dối để ông Điều Nh tin tưởng rồi chuyển tiền đến 02 (Hai) số tài khoản 1078751203xx, 1098731498xx và đưa tiền mặt trực tiếp cho T, tổng số tiền T chiếm đoạt được của ông Nh là 241.285.000đ (Hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Ngô Thị Ngọc T về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm:

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Ngô Thị Ngọc T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Điều Nh số tiền 223.785.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11. Tịch thu tiêu hủy 01 sim số thuê bao 0337.122.4xx bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màn hình cảm ứng, mặt lưng màu đỏ và 02 (Hai) thẻ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) số 97041501083177xx; 97041501228101xx đều mang tên NGO THỊ NGOC T.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 03/5/2021 đến ngày 30/6/2022, Ngô Thị Ngọc T đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin mình là “Cô đồng” có khả năng làm lễ xin nhà chùa cho ông Nh số tiền lộc là 2.500.000.000đồng và nhiều lần yêu cầu ông Nh chuyển tiền để làm lễ và làm thủ tục rút số tiền trên cho ông Nh. Do tin tưởng nên ông Nh đã nhiều lần chuyển khoản tiền vào số tài khoản của T là 223.785.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng) và 01 lần đưa tiền trực tiếp cho T số tiền 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền T chiếm đoạt được của ông Nh là 241.285.000đ (Hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi năm nghìn đồng). Số tiền trên T đã chi tiêu cá nhân hết 223.785.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, khi phạm tội đang có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 223.785.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng). Tại phiên tòa bị hại vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường trên. Bị cáo nhất trí bồi

thường số tiền 223.785.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng) cho bị hại. Bị cáo và bị hại đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án. Do vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 223.785.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng).

* Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màn hình cảm ứng, mặt lưng màu đỏ, có số IMEI 3529881137185xx, IMEI2 3529881139617xx, bên trong có lắp sim số thuê bao 0337.122.4xx. Là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước đối với điện thoại, còn chiếc xác sim do không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 (Hai) thẻ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) số 97041501083177xx; 97041501228101xx đều mang tên NGO THỊ NGOC T. Qua điều tra xác định đây là các thẻ của hai số tài khoản bị cáo sử dụng để nhận số tiền chiếm đoạt của bị hại, hiện không còn tiền, cơ quan điều tra đã có văn yêu cầu Ngân hàng xử lý hai số tài khoản theo quy định. Bị cáo không đề nghị nhận lại thẻ, thẻ không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 97B1 – 655.xx, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Vy Thị Đ, việc bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội bà Đ không biết. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà Đ là đúng quy định.

- Đối với 01 (Một) thẻ căn cước công dân, 01 (một) chứng minh nhân dân và 01 (Một) thẻ ngân hàng Viettinbank đều mang tên Ngô Thị Ngọc T, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với số tiền 17.500.000 đồng là số tiền ông Nh đưa cho T ngày 30/6/2022. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho ông Nh là phù hợp.

* Đối với những người mà ông Điều Nh nhờ chuyển khoản cho Ngô Thị Ngọc T, đây là những người tại các dịch vụ chuyển tiền có thu phí, do thời gian lâu nên ông Nh không nhớ được cụ thể từng lần chuyển. Mặt khác, khi nhờ những người này chuyển tiền ông Nh cũng không nói chuyển tiền để làm gì nên không có căn cứ xem xét đối với những người trên.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Ngô Thị Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Ngọc T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Ngô Thị Ngọc T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Điều Nh số tiền 223.785.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màn hình cảm ứng, mặt lưng màu đỏ, có số IMEI 3529881137185xx, IMEI2 3529881139617xx.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số thuê bao 0337.122.4xx bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màn hình cảm ứng, mặt lưng màu đỏ; 02 (Hai) thẻ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) số 97041501083177xx; 97041501228101xx đều mang tên NGO THỊ NGOC T.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và chịu 11.189.250đ (Mười một triệu một trăm tám mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Cơ quan CSĐT Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương